|  |
| --- |
| **MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2020-2021**  **Môn: VẬT LÍ LỚP 8**  Thời gian làm bài: 45 phút |

**1. Phạm vi kiến thức:** Từ bài 01 đến bài 08 theo SGK *( Kiến thức không kiểm tra : Thực hiện theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 Bộ GDĐT)*

**2.** **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp TNKQ (50%) và TL (50%)

**3. Thời gian làm bài :** 45 phút

**4. Thiết lập ma trận đề kiểm tra:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng** | | | | | |  |
| TNKQ | | TL | TNKQ | | | TL | **Cấp độ thấp** | | | **Cấp độ cao** | | | **Cộng** |
| TNKQ | | TL | TNKQ | TL | |  |
| **1. Chuyển động cơ học.** | 1. Nêu được dấu hiệu để nhận biết chuyển động cơ học.  2. Nêu được ý nghĩa của tốc độ là đặc trưng cho sự nhanh, chậm của chuyển động. Nêu được đơn vị đo của tốc độ.  3. Nêu được thế nào là chuyển động đều, chuyển động không đều và cho ví dụ.  4. Nêu được tốc độ trung bình là gì và cách xác định tốc độ trung bình. | | | 1. Hiểu được tính tương đối của chuyển động và đứng yên.  2. Hiểu được độ lớn vận tốc đặc trưng cho tính nhanh, chậm của chuyển động.  3. Nêu được ví dụ về chuyển động cơ học và tính tương đối của chuyển động cơ học.  4. Phân biệt được chuyển động đều và chuyển động không đều dựa vào khái niệm tốc độ. | | | | Biết cách viết được công thức và tính được tốc độ của chuyển động và các đại lượng có trong công thức. | | | Tính được tốc độ trung bình của chuyển động không đều và các đại lượng có trong công thức . | | |  |
| ***Số câu*** | *3 câu* | | *1 câu* | *1 câu* | | *0* | | *0* | | *1 câu* |  | *1 câu* | | **7 câu** |
| ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | *1,5đ*  *15%* | | *1,0đ*  *10%* | *0,5đ*  *5%* | | *0* | | *0* | | *0,5đ*  *5%* |  | *1đ*  *10%* | | **4,5 điểm**  **45%** |
| **2. Lực - Quán tính.** | 1. Nêu được lực là một đại lượng vectơ.  2. Nêu được thế nào là hai lực cân bằng. | | | 1. Nêu được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ và hướng chuyển động của vật.  2.Nêu được ví dụ về tác dụng của hai lực cân bằng lên một vật đang chuyển động.  3.Nêu được quán tính của một vật là gì?. Giải thích được một số hiện tượng thường gặp liên quan đến quán tính.  4. Nêu được ví dụ về lực ma sát trượt.  5. Nêu được ví dụ về lực ma sát lăn.  6. Nêu được ví dụ về lực ma sát nghỉ. | | | | 1.Biểu diễn được lực bằng vectơ.  2.Đề ra được cách làm tăng ma sát có lợi và giảm ma sát có hại ở một số trường hợp cụ thể trong đời sống, kĩ thuật. | | |  | | |  |
| ***Số câu*** | *1 câu* | *0* | | *3 câu* | *0* | | | *0* | | *2 câu* | *0* | | *0* | **6 câu** |
| ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | *0,5đ*  *5%* | *0* | | *1,5đ*  *15%* | *0* | | | *0* | | *1đ*  *10%* | *0* | | *0* | **3,0 điểm**  **30%** |
| **3. Áp suất.** | 1. Nêu được khái niệm áp lực, áp suất của chất rắn và đơn vị đo áp suất là gì.  2. Nhận biết được công thức tính áp suất chất rắn | | | 1. Hiểu được tác dụng do áp lực gây ra.  2. Hiểu được nguyên tắc làm tăng giảm áp suấ chất rắn.  3. Mô tả được hiện tượng chứng tỏ sự tồn tại của áp suất chất lỏng.  4. Nêu được áp suất có cùng trị số tại các điểm ở cùng một độ cao trong lòng một chất lỏng. | | | | 1. Vận dụng công thức  2. Vận dụng được công thức p = d.h đối với áp suất trong lòng chất lỏng. | | |  | | |  |
| ***Số câu*** | *2 câu* | *0* | | *0* | *1 câu* | | | *0* | *1 câu* | | *0* | *0* | | **4 câu** |
| ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | *1đ*  *10%* | *0* | | *0* | *1đ*  *10%* | | | *0* | *0,5đ*  *5%* | | *0* | *0* | | **2,5 điểm**  **25%** |
| ***Tổng số câu*** | **7 câu** | | | **5 câu** | | | | **4 câu** | | | **1 câu** | | | **17 câu** |
| ***Tổng số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | **4 điểm**  **40%** | | | **3 điểm**  **30%** | | | | **2 điểm**  **20%** | | | **1 điểm**  **10%** | | | **10 điểm**  **100%** |